

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/25/CBTT – HAGL Agrico

Gia Lai, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

- Mã chứng khoán: HNG
- Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: 0269.2222283
- Email: haglagrico@thagrico.vn Website: <https://haagrico.com>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2024

☒ BCTC riêng (ĐKGD không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc;

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.

(đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

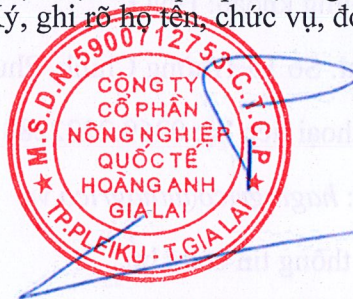
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.haagrigo.com/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã kiểm toán;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Phi

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2025/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12827243/68479306/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng trình bày rằng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 912.908.221 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đồng thời, cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 946.358.119 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.514.680.218	12.064.070.073
110	I. Tiền	4	13.058.472	47.288.173
111	1. Tiền		13.058.472	47.288.173
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.366.861.487	11.878.847.537
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.113.055.433	1.651.221.870
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.469.481.914	1.629.815.005
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.589.299.033	5.912.039.028
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.238.797.279	2.755.025.588
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(43.772.172)	(69.253.954)
140	III. Hàng tồn kho	10	42.735.442	37.700.270
141	1. Hàng tồn kho		54.204.990	50.182.824
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.469.548)	(12.482.554)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		92.024.817	100.234.093
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	11	91.738.986	99.948.262
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.625.959.373	9.135.851.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.535.560.729	4.050.979.875
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.798.605.398	2.382.041.632
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.736.955.331	1.668.938.243
220	II. Tài sản cố định		2.662.500	3.952.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	170.833	713.786
222	Nguyên giá		8.977.967	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.807.134)	(8.264.181)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	2.491.667	3.239.167
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.488.333)	(2.740.833)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	4.087.729.776	5.080.780.439
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.954.817.803	4.794.775.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.155.687.273)	(2.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.368	138.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.368	138.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.140.639.591	21.199.921.673

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.831.331.760	8.977.561.621
310	I. Nợ ngắn hạn		11.778.732.885	6.869.416.459
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	488.387.705	56.801.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	322.771.443	846.778.738
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	152.971	174.408
314	4. Phải trả người lao động		1.159.200	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.136.240.205	616.336.122
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	265.146.773	261.041.568
320	7. Vay ngắn hạn	19	9.564.874.588	5.087.125.026
330	II. Nợ dài hạn		52.598.875	2.108.145.162
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	-	33.939.083
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	52.598.875	51.183.874
338	3. Vay dài hạn	19	-	2.023.022.205
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.309.307.831	12.222.360.052
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	11.309.307.831	12.222.360.052
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(946.358.119)	(33.305.898)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(33.449.898)	(128.982.958)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(912.908.221)	95.677.060
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.140.639.591	21.199.921.673

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	589.310.336	457.855.119
11	2. Giá vốn hàng bán	22	(579.623.447)	(448.406.642)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		9.686.889	9.448.477
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	836.927.390	660.505.284
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(1.726.174.172) (567.116.337)	(544.805.083) (523.270.610)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(7.643.844)	(6.691.873)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(14.662.159)	(22.788.265)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(901.865.896)	95.668.540
31	9. Thu nhập khác	25	16.881.513	566.522
32	10. Chi phí khác	25	(27.923.838)	(558.002)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(11.042.325)	8.520
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(912.908.221)	95.677.060
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(912.908.221)	95.677.060

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(912.908.221)	95.677.060
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	1.290.453	1.469.250
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.126.597.875	(183.181.853)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(254.161.019)	(24.896.197)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(573.257.689)	(547.043.567)
06	Chi phí lãi vay	23	567.116.337	523.270.610
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(45.322.264)	(134.704.697)
09	Tăng các khoản phải thu		(141.801.918)	(186.734.618)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.022.166)	(32.601.829)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(85.497.131)	928.603.688
12	Giảm chi phí trả trước		131.965	781.887
14	Tiền lãi vay đã trả		(81.796.952)	(235.466.534)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(358.452.466)	339.877.897
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(1.996.647.006)	(1.109.783.420)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(160.042.000)	(231.890.991)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		26.184.612	38.165
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.130.504.394)	(1.341.636.246)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	4.525.920.000	3.090.557.600
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(2.071.192.643)	(2.042.332.819)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.454.727.357	1.048.224.781
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.229.503)	46.466.432
60	Tiền đầu năm		47.288.173	819.991
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(198)	1.750
70	Tiền cuối năm	4	13.058.472	47.288.173

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã bị hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên UPCOM theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do HNX ban hành.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

(*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 002-2024/KHĐT.ĐT4 cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 912.908.221 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đồng thời, cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 946.358.119 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết vấn đề nêu trên. Cụ thể, Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án nông nghiệp quy mô lớn để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện đàm phán với các ngân hàng thương mại cho các khoản vay mới. Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 25 tháng 2 năm 2025, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"), trong đó, Thaco Agri sẽ mua và phân phối nông sản của Công ty trong năm 2025. Theo đó, Công ty kỳ vọng có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc đã lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngân VND	
Tiền mặt	37.287	40.118
Tiền gửi ngân hàng	13.021.185	47.248.055
TỔNG CỘNG	13.058.472	47.288.173

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	Năm nay	Năm trước
	Ngân VND	
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai:		
Cần trừ phải trả khác với khoản phải thu khác từ hoạt động đầu tư	1.441.952.797	714.731.571
Cần trừ phải thu khách hàng với phải thu cho vay từ hoạt động kinh doanh	14.500.000	-
Cần trừ phải thu khác với phải thu cho vay từ hoạt động đầu tư	218.531.130	-
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.525.920.000	3.090.557.600
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.071.192.643	2.042.332.819



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 28)	2.070.609.744	1.583.018.982
Phải thu từ các bên khác	42.445.689	68.202.888
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	22.065.328	20.986.827
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	-	24.541.653
- Khách hàng khác	20.380.361	22.674.408
TỔNG CỘNG	2.113.055.433	1.651.221.870
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(41.631.763)	(65.490.646)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.071.423.670	1.585.731.224

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 28)	1.464.341.504	1.621.544.078
Trả trước cho các bên khác	5.140.410	8.270.927
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	2.075.410
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	-	1.622.899
- Khác	3.065.000	4.572.618
TỔNG CỘNG	1.469.481.914	1.629.815.005
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(2.140.409)	(3.763.308)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.467.341.505	1.626.051.697

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	6.589.299.033	5.912.039.028
Cho vay bên liên quan (TM số 28)	6.589.299.033	5.912.039.028
Dài hạn	3.798.605.398	2.382.041.632
Cho vay Chính phủ Lào (*)	2.034.606.180	667.928.178
Cho vay bên liên quan (TM số 28)	1.763.999.218	1.714.113.454
TỔNG CỘNG	10.387.904.431	8.294.080.660

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	3.238.797.279	2.755.025.588
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	2.096.923.128	1.906.456.037
Phải thu lãi cho vay	946.736.873	671.605.138
Chi hộ	194.598.910	176.267.106
Khác	538.368	697.307
Dài hạn	1.736.955.331	1.668.938.243
Phải thu lãi cho vay	1.736.955.331	1.637.747.061
Khác	-	31.191.182
TỔNG CỘNG	4.975.752.610	4.423.963.831
Dự phòng phải thu khác khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	4.975.752.610	4.423.963.831
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 28)	3.238.258.910	2.754.328.281
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 28)	1.736.955.331	1.668.938.243
Phải thu khác các bên thứ ba	538.369	697.307

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	41.631.763	65.490.646
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	2.140.409	3.763.308
TỔNG CỘNG	43.772.172	69.253.954

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	69.253.954	252.240.627
Dự phòng trích lập trong năm	3.828.364	12.208.154
Sử dụng và xóa sổ dự phòng trong năm	(29.310.146)	(195.194.827)
Số cuối năm	43.772.172	69.253.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Hàng hóa	54.204.990	50.149.344
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	33.480
TỔNG CỘNG	54.204.990	50.182.824
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.469.548)	(12.482.554)
GIÁ TRỊ THUẦN	42.735.442	37.700.270

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	12.482.554	12.677.734
Sử dụng và xóa sổ dự phòng trong năm	(1.013.006)	(195.180)
Số cuối năm	11.469.548	12.482.554

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	99.948.262	32.567.936	(40.777.212)	91.738.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 27.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	1.113.424	(1.113.424)	-
TỔNG CỘNG	100.234.093	33.681.360	(41.890.636)	92.024.817
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	174.408	352.922	(374.359)	152.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

				Ngàn VND
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm và số cuối năm	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	310.655	4.311.791	322.183	4.944.629
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(310.655)	(5.398.745)	(2.554.781)	(8.264.181)
Khấu hao trong năm	-	(142.034)	(400.919)	(542.953)
Số cuối năm	(310.655)	(5.540.779)	(2.955.700)	(8.807.134)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	302.394	411.392	713.786
Số cuối năm	-	160.360	10.473	170.833

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	Phần mềm vi tính
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	5.980.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(2.740.833)
Hao mòn trong năm	(747.500)
Số cuối năm	(3.488.333)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.239.167
Số cuối năm	2.491.667

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.954.817.803	4.794.775.803
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	5.243.417.049	5.083.375.049
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.155.687.273)	(2.594.610)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.087.729.776	5.080.780.439

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính và kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngân VND	%	Ngân VND	Ngân VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	100,00	1.081.159.132	-
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	100,00	943.987.719	-
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	828.641.392	100,00	668.599.392	-
Nam Lào (TM số 29)	Trồng cây công, nông nghiệp và chăn nuôi	100,00	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			4.954.817.803		4.794.775.803	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)	474.855.047	40.309.084
Phải trả cho các bên thứ ba	13.532.658	16.492.313
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	-	3.963.450
- Khác	<u>13.532.658</u>	<u>12.528.863</u>
TỔNG CỘNG	<u>488.387.705</u>	<u>56.801.397</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 28)	322.771.443	846.686.346
Nhận ứng trước từ bên khác	-	92.392
TỔNG CỘNG	<u>322.771.443</u>	<u>846.778.738</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	1.136.240.205	616.336.122
Chi phí lãi vay	1.107.237.979	587.979.344
Chi phí hoạt động	29.002.226	28.356.778
Dài hạn	-	33.939.083
Chi phí lãi vay	-	33.939.083
TỔNG CỘNG	1.136.240.205	650.275.205
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>1.106.975.725</i>	<i>570.909.491</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>29.264.480</i>	<i>79.365.714</i>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	265.146.773	261.041.568
Phải trả các bên liên quan	258.117.172	242.844.188
Phải trả khác	7.029.601	18.197.380
Dài hạn	52.598.875	51.183.874
Phải trả các bên liên quan	31.686.854	30.271.853
Phải trả khác	20.912.021	20.912.021
TỔNG CỘNG	317.745.648	312.225.442
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>258.117.172</i>	<i>242.844.188</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>31.686.854</i>	<i>30.271.853</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>27.941.622</i>	<i>39.109.401</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	9.564.874.588	5.087.125.026
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 19.1 và TM số 28)	3.932.160.518	272.740.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 19.2)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 19.3 và TM số 28)	5.132.714.070	4.261.894.508
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	52.490.000
Dài hạn	-	2.023.022.205
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 19.3 và TM số 28)	-	1.904.917.600
Vay dài hạn ngân hàng	-	118.104.605
TỔNG CỘNG	9.564.874.588	7.110.147.231

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	5.087.125.026	2.023.022.205	7.110.147.231
Tiền thu từ đi vay	4.525.920.000	-	4.525.920.000
Tiền trả nợ gốc vay	(1.953.088.038)	(118.104.605)	(2.071.192.643)
Vay dài hạn đến hạn trả	1.904.917.600	(1.904.917.600)	-
Số cuối năm	9.564.874.588	-	9.564.874.588

19.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>3.932.160.518</u>	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,50 - 8,00

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	500.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 đến ngày 28 tháng 7 năm 2025	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (năm 2024: 6 - 7,30%)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	<div>- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia;</div> <div>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và</div> <div>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 295,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xáy, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.</div>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn bên liên quan (TM số 28)

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>5.132.714.070</u>	Từ ngày 7 tháng 5 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8,00
<i>In which:</i>			
Current portion	5.132.714.070		

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(144.000)	(144.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	95.677.060	95.677.060
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(33.305.898)</u>	<u>12.222.360.052</u>
Năm nay				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(144.000)	(144.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	(912.908.221)	(912.908.221)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(946.358.119)</u>	<u>11.309.307.831</u>

20.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	405.869.609	323.092.478
Doanh thu bán mũ cao su	183.440.727	134.762.641
TỔNG CỘNG	589.310.336	457.855.119
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	589.129.438	457.260.529
Doanh thu thuần với các bên khác	180.898	594.590

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi từ cho bên liên quan vay	547.073.077	520.860.844
Lãi chênh lệch tỷ giá	263.669.701	113.461.717
Cổ tức	26.144.558	26.144.558
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.054	38.165
TỔNG CỘNG	836.927.390	660.505.284
Trong đó:		
Bên liên quan	573.217.635	547.005.402
Bên khác	263.709.755	113.499.882

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa	401.568.655	320.671.262
Giá vốn mũ cao su đã bán	178.054.792	127.930.560
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(195.180)
TỔNG CỘNG	579.623.447	448.406.642

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	1.153.092.663	-
Chi phí lãi vay	567.116.337	523.270.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.193.767	15.430.370
Khác	4.771.405	6.104.103
TỔNG CỘNG	1.726.174.172	544.805.083



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí bán hàng	7.643.844	6.691.873
Chi phí vận chuyển	6.526.520	5.319.752
Chi phí nhân viên	1.018.798	1.116.251
Khác	98.526	255.870
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.662.159	22.788.265
Chi phí nhân viên	4.442.474	4.481.537
Dự phòng phải thu khó đòi	3.828.364	12.208.155
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.217.430	1.715.408
Khác	5.173.891	4.383.165
TỔNG CỘNG	22.306.003	29.480.138

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập khác	16.881.513	566.522
Thu nhập từ xóa sổ công nợ	16.831.947	-
Thu nhập khác	49.566	566.522
Chi phí khác	27.923.838	558.002
Thuế GTGT không được khấu trừ	27.593.790	-
Chi phí khác	330.048	558.002
(LỖ) LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	(11.042.325)	8.520

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí giá vốn hàng hóa	578.332.994	446.937.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.180.532	9.457.557
Chi phí nhân công	5.461.272	5.597.788
Dự phòng phải thu khó đòi	3.828.364	12.208.155
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 11 và 12)	1.290.453	1.469.250
Khác	1.835.835	2.216.638
TỔNG CỘNG	601.929.450	477.886.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập tính thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(912.908.221)	95.677.060
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.165.605.764	12.788.732
Cổ tức	(26.144.558)	(26.144.558)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(253.381.383)	(31.165.445)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	20.003.206	-
(Lỗ) thu nhập chịu thuế ước tính	(6.825.192)	51.155.789
Lỗ thuế chuyển sang năm sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại	6.825.192	-
Lỗ chuyển sang từ năm trước	-	(51.155.789)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong năm nay với tổng giá trị là 20.003.206 ngàn VND.

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập/lỗ chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập/lỗ chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập/lỗ chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập/lỗ chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.825.192 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.047.010.534 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2019	2024	995.854.745	-	(995.854.745)	-
2024	2029	6.825.192 (*)	-	-	6.825.192
TỔNG CỘNG		1.002.679.937	- (995.854.745)		6.825.192

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

27.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Ngàn VND	
			Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024
2024	2029	(i) 20.003.206	-	20.003.206

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 20.003.206 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
Thaco	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Nam Lào	Công ty con
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Phân Phối Thaco Auto ("Thaco Phân phối")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("Đại Quang Minh")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thaco Agri	Vay	3.790.420.000	2.507.117.600
	Lãi vay	535.779.028	415.243.040
	Cần trừ công nợ	395.947.547	55.516.334
	Mua hàng hóa	379.990.887	322.763.069
	Bán hàng hóa	184.040.177	135.746.329
	Trả gốc vay	179.400.000	169.100.000
	Mượn tiền	-	8.000.000
HAG	Trả gốc vay	984.698.038	400.000.000
	Cần trừ công nợ	149.232.759	185.859
HA Attapeu	Cho vay	454.370.088	170.439.778
	Lãi cho vay	396.764.885	367.780.157
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	388.018.840	321.355.346
	Cần trừ công nợ	316.391.149	-
	Cần trừ nợ gốc vay	233.031.130	398.329.719
	Mua hàng hóa	99.287.666	74.452.177
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	394.332.017	192.545.530
	Góp vốn	160.042.000	231.890.991
	Lãi cho vay	63.537.513	66.625.266
HAQM Lào	Cần trừ công nợ	167.435.978	-
	Mua hàng hóa	78.767.126	53.478.382
	Lãi cho vay	37.658.108	37.477.039
HA Rattanakiri	Lãi cho vay	49.112.567	48.978.380
	Cần trừ công nợ	-	205.195.120
Bidiphar	Thu tiền cổ tức	26.144.558	52.289.115
	Cổ tức được chia	26.144.558	26.144.558
Nam Lào	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.087.917	-
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.044.778	6.878
Thaco Phân phối	Mua hàng hóa	8.258.889	12.286.111
CRD	Cần trừ công nợ	7.445.106	68.208.415
Thilogi	Mua dịch vụ	6.654.015	5.581.303
Đại Quang Minh	Mua dịch vụ	4.052.625	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	1.942.422.475	1.486.158.661
HAQM Lào	Bán hàng hóa	48.566.895	46.193.058
HA Oyadav	Bán hàng hóa	38.479.447	36.598.662
Nam Lào	Bán hàng hóa	26.422.588	-
CRD	Bán hàng hóa	14.718.339	13.998.941
Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	-	69.660
TỔNG CỘNG		2.070.609.744	1.583.018.982
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i>			
HA Attapeu	Mua hàng hóa	908.680.922	764.824.376
HAQM Lào	Mua hàng hóa	555.660.582	658.304.204
Thaco	Mua hàng hóa	-	198.415.498
TỔNG CỘNG		1.464.341.504	1.621.544.078
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) (TM số 7)</i>			
HA Attapeu	Cho vay	4.572.526.645	3.895.266.640
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	805.908.354
HAQM Lào	Cho vay	619.432.694	619.432.694
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	591.431.340
TỔNG CỘNG		6.589.299.033	5.912.039.028
(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, và với lãi suất trung bình từ 6,0%/năm đến 8%/năm.			
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (**) (TM số 7)</i>			
HA Attapeu	Cho vay	1.500.544.613	1.450.658.849
HA Oyadav	Cho vay	262.454.605	262.454.605
HAQM Lào	Cho vay	1.000.000	1.000.000
TỔNG CỘNG		1.763.999.218	1.714.113.454

(**) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 18 tháng 1 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 10,05%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	1.915.970.282	1.544.502.764
	Lãi cho vay	792.155.976	518.905.443
	Chi hộ	178.644.427	175.328.116
HAQM Lào	Lãi cho vay	154.580.896	117.003.008
	Cần trừ công nợ	21.880.460	5.993.044
	Chi hộ	1.110.999	938.990
CRD	Cần trừ công nợ	87.256.429	75.757.851
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	71.815.957	71.724.705
Nam Lào	Chi hộ	14.715.372	-
HA Oyadav	Chi hộ	58.885	-
	Cần trừ công nợ	-	208.405.364
	Lãi cho vay	-	35.696.686
Bên liên quan khác	Chi hộ	69.227	72.310
TỔNG CỘNG		3.238.258.910	2.754.328.281
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Lãi cho vay	1.664.648.815	1.529.997.028
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.306.516	72.226.296
	Cần trừ công nợ	-	31.191.182
HA Oyadav	Lãi cho vay	-	35.523.737
TỔNG CỘNG		1.736.955.331	1.668.938.243
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	430.876.918	-
Thaco Phân Phối	Mua hàng hóa	39.257.000	30.337.400
CRD	Mua hàng hóa	2.668.429	2.549.268
Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.052.700	7.422.416
TỔNG CỘNG		474.855.047	40.309.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)</i>			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	322.771.443	846.686.346
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 17)</i>			
Thaco Agri	Lãi vay	1.106.819.725	570.909.491
Thilogi	Mua dịch vụ	156.000	-
TỔNG CỘNG		1.106.975.725	570.909.491
<i>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 18)</i>			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	183.414.078	226.742.175
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	46.482.179	-
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.342.597	-
Thaco Agri	Mượn tiền	10.220.201	8.453.813
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	7.648.200
Khác	Khác	9.917	-
TỔNG CỘNG		258.117.172	242.844.188
<i>Phải trả dài hạn khác (TM số 18)</i>			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	31.686.854	30.271.853
<i>Vay ngắn hạn (TM số 19.1 và TM số 19.3)</i>			
Thaco Agri	Vay	9.064.874.588	3.549.936.988
HAG	Vay	-	984.698.038
TỔNG CỘNG		9.064.874.588	4.534.635.026
<i>Vay dài hạn (TM số 19.3)</i>			
Thaco Agri	Vay	-	1.904.917.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		Ngàn VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
TỔNG CỘNG		144.000	144.000



29. CAM KẾT GÓP VỐN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


 Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập


 Đỗ Vũ Hải Hà
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàng Phi
 Phó Tổng Giám đốc

